TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2019
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TC TNHH MTV QT V N J**.

Địa chỉ: Lầu 15 Tn Ct, 72-74 N T M K, p 6, q 3, thành phố H C M.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan T Đ**, sinh năm 1992. Chức vụ: Nhân viên quản lý nợ - JIVF (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L C, xã T P, huyện C N, tỉnh C M.

Bị đơn: Ông **Trần V Q**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T V, thành phố C M, tỉnh C M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan T Đ trình bày: Ngày 20/01/2018 ông Trần V Q có ký hợp đồng số 59120000000013000 với Công ty TC TNHH MTV QT V N J (gọi tắt là JIVF) để vay tiền mua xe máy theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng T N A có trụ sở tại số 29C, đường L T K, p 6, thành phố C M. Số tiền vay là 16.500.000 đồng, lãi suất 4,6638%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Theo thỏa thuận hợp đồng thì ông Q có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi cho JIVF mỗi tháng là 1.826.487 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 của tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 22/02/2018.

Từ ngày 16/3/2018 đến ngày 15/8/2018 ông Q chỉ thanh toán cho JIVF được số tiền 11.121.934 đồng (trong đó, Nợ gốc 7.240.812 đồng, lãi 3.908.122). Đến nay JIVF

đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền còn nợ lại cho Công ty nhưng ông Q vẫn cố tình lẫn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho JIVF. Tổng dư nợ hiện tại của ông Q tính đến ngày 31/10/2018 phải thanh toán cho JIVF là 12.367.018 đồng, trong đó: Nợ gốc là 9.259.188 đồng, lãi là 1.467.059 đồng, phạt 140.771 đồng và phí tất toán hợp đồng trước hạn là 1.500.000 đồng. Nay JIVF yêu cầu ông Q phải trả số tiền còn nợ 12.367.018 đồng cho Công ty.

Đối với bị đơn ông Trần V Q: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đã qua ông Trần V Q đã trả cho Công ty TC TNHH MTV QT V N J tính đến ngày 22/01/2019 được tổng số tiền 17.121.934 đồng, hiện còn nợ lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 7.230.024 đồng và yêu cầu ông Q phải trả số tiền còn nợ lại nêu trên cho JIVF.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần V Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TC TNHH MTV QT V N J (gọi tắt là JIVF) buộc ông Trần V Q trả số tiền 7.230.024 đồng. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Ngày 20/01/2018 ông Trần V Q có ký hợp đồng số 59120000000013000 với Công ty TC TNHH MTV QT V N J (gọi tắt là JIVF) để vay tiền mua xe máy theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng T N A có trụ sở tại số 29C, đường L T K, p 6, thành phố C M, tỉnh C M. Số tiền vay là 16.500.000 đồng, lãi suất 4,6638%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Từ ngày 16/3/2018 đến ngày 22/01/2019 ông Q đã thanh toán cho JIVF được số tiền 17.121.934 đồng thì đến nay không thanh toán nữa. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/4/2019 thì hiện nay ông Q còn nợ lại JIVF số tiền 7.230.024 đồng (Trong đó, nợ gốc là 4.711.029 đồng + Lãi 2.518.995 đồng). Căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và căn cứ vào hợp đồng số 59120000000013000 được ký giữa ông Trần V Q với Công ty TC TNHH MTV QT V N J thì có đủ cơ sở buộc ông Q phải trả số tiền 7.230.024 đồng cho Công ty TC TNHH MTV QT V N J.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 360.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 464, 465 và 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TC TNHH MTV QT V N J. Buộc ông Trần V Q trả cho Công ty TC TNHH MTV QT V N J số tiền 7.230.024 đồng *(Bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm hai mươi bốn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/4/2019, Ông Trần V Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nhà nước quy định thì lãi suất mà ông Q phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TC TNHH MTV QT V N J theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nhà nước.

Án phí dân sự có giá ngạch:

- Công ty TC TNHH MTV QT V N J không phải chịu án phí. Ngày 02/01/2019 Công ty TC TNHH MTV QT V N J có dự nộp 310.000 đồng theo biên lai số 0001893 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C M được nhận lại.

- Ông Trần V Q phải chịu án phí là 360.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang